

<p>chia hết cho mẫu số của phân số $\frac{7}{6}$ (12 : 6 = 2). Ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số như sau: $\frac{7}{6} = \frac{7 \times 2}{6 \times 2} = \frac{14}{12}$ và giữ nguyên phân số $\frac{5}{12}$ - Như vậy, quy đồng mẫu số các phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$ được các phân số $\frac{14}{12}$ và $\frac{5}{12}$ - Khi quy đồng mẫu số hai phân số, trong đó mẫu số của một trong hai phân số là MSC ta làm như thế nào?</p> <p style="text-align: center;">3.3. Thực hành</p> <p><u>Bài tập 1:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS cả lớp làm bài vào vở nháp, 1HS lên bảng trình bày</p> <p>GV cùng HS sửa bài nhận xét</p> <p><u>Bài tập 2:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2. GV yêu cầu HS làm bài vào vở</p> <p>GV chấm một số vở, sửa bài, nhận xét.</p> <p><u>Bài tập 3 HS Giải</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập Gọi 2HS lên bảng làm bài sau đó nêu cách thực hiện.</p> <p>GV cùng HS sửa bài- nhận xét</p>	<p>- Khi quy đồng mẫu số hai phân số, trong đó mẫu số của một trong hai phân số là MSC ta làm như sau: + Xác định MSC. + Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số kia. + Lấy thương tìm được nhân với tử số và mẫu số của phân số kia. Giữ nguyên phân số có mẫu số là MSC. - HS đọc yêu cầu bài cả lớp làm bài vào vở nháp + 1HS lên bảng trình bày</p> <p>a) $\frac{7}{9}$ và $\frac{2}{3}$ (MSC là: 9; 9 : 3 = 3) $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 3}{3 \times 3} = \frac{6}{9}$; giữ nguyên phân số $\frac{7}{9}$</p> <p>b) $\frac{4}{10}$ và $\frac{11}{20}$ (MSC là: 20; 20 : 10 = 2) $\frac{4}{10} = \frac{4 \times 2}{10 \times 2} = \frac{8}{20}$; giữ nguyên phân số $\frac{11}{20}$</p> <p>HS đọc yêu cầu bài; làm bài vào vở</p> <p>a) $\frac{4}{7}$ và $\frac{5}{12}$ (MSC là: 7 x 12 = 84) $\frac{4}{7} = \frac{4 \times 12}{7 \times 12} = \frac{48}{84}$; $\frac{5}{12} = \frac{5 \times 7}{12 \times 7} = \frac{35}{84}$</p> <p>b) $\frac{3}{8}$ và $\frac{19}{24}$ (MSC là: 24; 24 : 8 = 3) $\frac{3}{8} = \frac{3 \times 3}{8 \times 3} = \frac{9}{24}$; giữ nguyên phân số $\frac{19}{24}$</p> <p>-HS đọc yêu cầu bài tập 24 : 6 = 4; 24 : 8 = 3 Chọn MSC là 24 Ta có: $\frac{5}{6} = \frac{5 \times 4}{6 \times 4} = \frac{20}{24}$; $\frac{3}{8} = \frac{3 \times 3}{8 \times 3} = \frac{9}{24}$</p> <p>Vậy $\frac{5}{6} = \frac{20}{24}$; $\frac{3}{8} = \frac{9}{24}$</p> <p>- Khi quy đồng mẫu số hai phân số với MSC cho biết trước ta làm như sau:</p>
---	---

<p>- Khi quy đồng mẫu số hai phân số với MSC cho biết trước ta làm như thế nào?</p> <p>GV cùng HS nhận xét tuyên dương</p>		<p>+ Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số thứ nhất. Lấy thương đó nhân với cả tử số & mẫu số của phân số thứ nhất.</p> <p>+ Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số thứ hai. Lấy thương đó nhân với cả tử số & mẫu số của phân số thứ hai.</p> <p>2HS nêu - HS khác nhận xét.</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>- Quy đồng mẫu số hai phân số, ta làm như thế nào?</p> <p>- Khi quy đồng mẫu số hai phân số với MSC cho biết trước ta làm như thế nào?</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5.Dặn dò:</p> <p>Chuẩn bị bài: Luyện tập</p>	1	Học sinh thực hiện

LUYÊN TỪ VÀ CÂU

TIẾT 42 :VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO?

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể *Ai thế nào?*
- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai thế nào?* theo YC cho trước qua thực hành luyện tập

2.Kĩ năng :

- Xác định được bộ phận VN trong các câu kể *Ai thế nào?*
- Biết đặt câu đúng mẫu.

3. Thái độ:

- HS biết sử dụng vốn từ vào bài văn của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : SGK, bảng phụ

- 1 tờ phiếu ghi lời giải câu hỏi 4

Câu	Vị ngữ trong câu biểu thị	Từ ngữ tạo thành vị ngữ
1	Trạng thái của sự vật (cảnh vật)	Cụm tính từ
2	Trạng thái của sự vật (Sông)	Cụm động từ (ĐT: trôi)
4	Trạng thái của người (Ông Ba)	Động từ
6	Trạng thái của người (Ông Sáu)	Cụm tính từ
7	Đặc điểm của người(Ông Sáu)	Cụm tính từ (TT: hết)

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1.Ôn định tổ chức :</p> <p>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện

<p>+ Vị ngữ trong câu kể <i>Ai thế nào</i> chỉ gì? Do những từ ngữ nào tạo thành?</p> <p>3.3 Ghi nhớ</p>	2	<p>Vị ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái của người, vật nêu ở chủ ngữ. VN do tính từ (cụm tính từ tạo thành)</p> <p>HS đọc thầm phần ghi nhớ + 3 HS lần lượt đọc phần ghi nhớ trong SGK</p>
<p>3.4. Hướng dẫn luyện tập Bài tập 1:</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- Đoạn văn trên có mấy câu?</p> <p>- Yêu cầu HS đọc lần lượt các yêu cầu của bài.</p> <p>a) Tìm các câu kể <i>Ai thế nào</i> có trong đoạn văn?</p> <p>b) Xác định VN của các câu trên?</p> <p>+ GV hướng dẫn HS làm mẫu 2 câu đầu.</p> <p>+ Yêu cầu HS dùng phấn màu gạch chéo giữa hai bộ phận CN và VN rồi gạch chân bộ phận VN.</p> <p>c) VN của các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành?</p> <p>- GV cùng HS cả lớp theo dõi - nhận xét</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- Yêu cầu HS tiếp nối nhau đọc 3 câu văn là câu kể <i>Ai thế nào?</i> mình đã đặt để tả 3 cây hoa yêu thích.</p> <p>GV nhận xét .</p>	20	<p>- HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Cả lớp đọc thầm đoạn văn, trao đổi nhóm đôi, làm ra nháp - HS phát biểu ý kiến, nói các câu kể <i>Ai thế nào?</i> có trong đoạn văn</p> <p>+ Tất cả các câu trong đoạn văn đều là câu kể <i>Ai thế nào?</i></p> <p>- HS tự tìm VN và các từ ngữ tạo thành VN</p> <p>+ Cánh đại bàng / rất khoẻ.</p> <p>+ Mỏ đại bàng / dài và rất cứng.</p> <p>+ Đôi chân của nó / giống như cái móc hàng của cần cẩu.</p> <p>+ Đại bàng / rất ít bay.</p> <p>+ Khi chạy trên mặt đất, nó / giống như một con ngỗng cù nhưng nhanh nhẹn hơn nhiều.</p> <p>- 2 HS lên bảng sửa bài</p> <p>- HS tìm các từ ngữ tạo thành VN và nêu:</p> <p>+ VN của các câu trên do tính từ hay cụm tính từ tạo thành</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS làm bài vào vở nháp</p> <p>- HS tiếp nối nhau mỗi em đọc 3 câu văn là câu kể <i>Ai thế nào?</i> mình đã đặt để tả 3 cây hoa yêu thích.</p> <p>- Ví dụ :</p> <p>+ Cây hoa hồng nhà em rất đẹp.</p> <p>+ Hoa phong lan rất sang trọng, quý phái.</p> <p>+ Hoa hướng dương rực rỡ như mặt trời.</p>
<p>4. Củng cố :</p> <p>- Nêu nội dung phần ghi nhớ</p>	2	-HS nêu
<p>5. Dặn dò: Chuẩn bị bài: Chủ ngữ trong câu kể <i>Ai thế nào?</i></p>	1	Học sinh thực hiện

KĨ THUẬT
TIẾT 21 : ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH CỦA CÂY RAU, HOA

I. MỤC TIÊU:

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>

1. Kiến

- HS biết được các điều kiện ngoại cảnh và ảnh hưởng của chúng đối với cây ra hoa

2. Kỹ năng:

- Biết liên hệ thực tiễn về việc ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa

3. Thái độ:

-HS có ý thức chăm sóc cây ra hoa đúng kỹ thuật

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : -Hình ảnh trong SGK . 1 số hình ảnh minh hoạ những ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa .

2. Học sinh: SGK, Vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ : Vật liệu, dụng cụ trồng rau, hoa. Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: -Cần có những dụng cụ nào khi trồng trọt? Sử dụng chúng như thế nào? GV nhận xét – tuyên dương</p>	4	2HS lên bảng trả lời câu hỏi: HS cả lớp theo dõi nhận xét
<p>3. Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Bài “Điều kiện ngoại cảnh của cây rau , hoa”</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
<p>3.2. HĐ1: GV hướng dẫn HS tìm hiểu các điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây rau, hoa -Hướng dẫn HS đọc SGK và nêu các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển của cây rau và hoa.</p> <p>3.3. HĐ2:GV hướng dẫn HS tìm hiểu ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh đối với sự sinh trưởng phát triển của cây và hoa -Đặt câu hỏi để HS tìm hiểu từng điều kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhiệt độ + Nhiệt độ không khí có nguồn gốc từ đâu? Nó có vai trò như thế nào đối với cây rau, hoa? ▪ Nước + Cây rau, hoa lấy nước từ đâu? 	25	<p>+ Nhiệt độ, nước, ánh sáng, chất dinh dưỡng, không khí.</p> <p>- HS Nêu vai trò và ảnh hưởng của từng điều kiện</p> <p>+ . . .từ Mặt Trời. + Mỗi loại cây rau, hoa đều phát triển tốt ở nhiệt độ thích hợp. Vì vậy cần phải chọn thời điểm thích hợp trong năm đối với mỗi loại cây để gieo trồng thì mới đạt kết quả cao.</p> <p>+ Cây rau, hoa lấy nước từ đất, không khí,</p>

<p>+ Nước có vai trò như thế nào đối với cây rau, hoa?</p> <p>+ Thiếu hoặc thừa nước rau, hoa sẽ như thế nào?</p> <p style="padding-left: 20px;">▪ Ánh sáng</p> <p>+ Cây nhận ánh sáng từ đâu? ánh sáng có tác dụng như thế nào đối với cây rau hoa? Nếu thiếu ánh sáng cây sẽ như thế nào?</p> <p>+ Muốn có đủ ánh sáng cho cây cần làm gì?</p> <p style="padding-left: 20px;">▪ Chất dinh dưỡng:</p> <p>+ Các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây là gì? Làm thế nào cung cấp chất dinh dưỡng cho cây?</p> <p>+ Nếu thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng cây rau, hoa sẽ như thế nào?</p> <p style="padding-left: 20px;">▪ Không khí :</p> <p>+ Cây lấy không khí từ đâu?</p> <p>+ Cây cần không khí để làm gì?</p> <p>+ Nếu thiếu không khí cây sẽ như thế nào?</p> <p>+ Cần làm gì để đảm bảo có đủ không khí cho cây? GV nhận xét kết luận</p> <p>Gọi HS đọc ghi nhớ SGK</p>		<p>nước mưa,...</p> <p>+ Nước hoà tan chất dinh dưỡng ở trong đất để rễ cây hút được dễ dàng đồng thời nước còn tham gia vận chuyển các chất và điều hoà nhiệt độ trong cây.</p> <p>+ Thiếu nước rau, hoa sẽ khô héo, chậm lớn . thừa nước cây bị úng, bộ rễ không hoạt động được, cây dễ bị sâu bệnh phá hại,...</p> <p>+ Cây nhận ánh sáng từ mặt trời. ánh sáng giúp cây quang hợp tạo thức ăn nuôi cây. Nếu thiếu ánh sáng cây yếu ớt, vươn dài, dễ đổ, lá nhợt nhạt.</p> <p>+ Muốn có đủ ánh sáng cho cây cần trồng rau, hoa ở nơi nhiều ánh sáng, trồng đúng khoảng cách.</p> <p>+Các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây là đạm, lân, ka-li, . . .</p> <p>-Để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây ta phải bón phân.</p> <p>+ Nếu thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng cây rau, hoa sẽ không tốt.</p> <p>+ Cây lấy không khí từ môi trường và không khí có trong đất.</p> <p>+ Cây cần không khí để hô hấp và quang hợp .</p> <p>+ Nếu thiếu không khí cây sẽ hô hấp và quang hợp kém, dẫn đến phát triển kém, năng suất thấp, lâu ngày cây sẽ chết.</p> <p>+ Để đảm bảo có đủ không khí cho cây phải trồng cây ở nơi thoáng, thường xuyên xới, xáo cho đất luôn thoáng khí.</p> <p>2 HS đọc ghi nhớ SGK HS nhận xét tiết học</p>
<p>4.Củng cố : Những điều kiện nào ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây rau, hoa? - Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5.Dặn dò: -Xem trước bài và chuẩn bị bài sau: Trồng cây rau , hoa</p>	1	Học sinh thực hiện

TOÁN
TIẾT 105: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức -

Thực hiện được quy đồng mẫu số hai phân số.

2. Kỹ năng: Làm đúng các bài tập

3. Thái độ:

- HS biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : Bảng phụ ghi nội dung BT2

2. Học sinh: Sách vở, đồ dùng môn học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ : Quy đồng mẫu số các phân số (tt) - GV gọi HS lên bảng sửa bài làm ở nhà - Khi quy đồng mẫu số hai phân số với MSC cho biết trước ta làm như thế nào? - GV nhận xét</p>	4	<p>- 2HS lên bảng sửa bài</p> <p>d) $\frac{8}{15}$ và $\frac{11}{16}$ (MSC là: $15 \times 16 = 240$) $\frac{8}{15} = \frac{8 \times 16}{15 \times 16} = \frac{128}{240}$ $\frac{11}{16} = \frac{11 \times 15}{16 \times 15} = \frac{165}{240}$</p> <p>b) $\frac{4}{25}$ và $\frac{72}{100}$ (MSC là: $100; 100:25=4$) $\frac{4}{25} = \frac{4 \times 4}{25 \times 4} = \frac{16}{100}$; giữ nguyên $\frac{72}{100}$</p>
<p>3. Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Các em đã học cách quy đồng mẫu số hai phân số . Tiết học hôm nay, các em sẽ củng cố sâu thêm cách quy đồng mẫu số các phân số</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
<p>3.2. Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài tập Bài tập yêu cầu ta điều gì? Yêu cầu HS làm bài vào vở nháp+ 2HS lên bảng GV cùng HS sửa bài nhận xét.</p>	30	<p>HS đọc yêu cầu bài, nêu cách quy đồng mẫu số hai phân số. HS cả lớp làm bài vào vở nháp+2HS lên bảng</p> <p>a) $\frac{1}{6}$ và $\frac{4}{5}$ (MSC là: $6 \times 5 = 30$) $\frac{1}{6} = \frac{1 \times 5}{6 \times 5} = \frac{5}{30}$; $\frac{4}{5} = \frac{4 \times 6}{5 \times 6} = \frac{24}{30}$</p> <p>- $\frac{11}{49}$ và $\frac{8}{7}$ (MSC là: $49; 49 : 7 = 7$) $\frac{8}{7} = \frac{8 \times 7}{7 \times 7} = \frac{56}{49}$; giữ nguyên $\frac{11}{49}$</p> <p>- $\frac{12}{5}$ và $\frac{5}{9}$ (MSC là: $5 \times 9 = 45$) $\frac{12}{5} = \frac{12 \times 9}{5 \times 9} = \frac{108}{45}$; $\frac{5}{9} = \frac{5 \times 5}{9 \times 5} = \frac{25}{45}$</p>

<p><u>Bài tập 2:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS nêu cách quy đồng mẫu số hai phân số - GV treo bảng phụ tổ chức cho HS thi đua. GV cùng HS nhận xét – tuyên dương.</p> <p><u>Bài tập 3:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Bài tập yêu cầu gì ? GV ghi bài mẫu lên bảng hướng dẫn HS làm bài.</p> <p style="margin-top: 20px;">- Muốn quy đồng mẫu số ba phân số ta làm như thế nào?</p> <p style="margin-top: 20px;">GV yêu cầu HS làm bài vào vở.</p> <p style="margin-top: 20px;">GV chấm một số vở – nhận xét.</p> <p><u>Bài tập 4,5:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài tập GV hướng dẫn HS làm bài</p>	<p>HS đọc yêu cầu bài tập</p> <p>a) $\frac{3}{5}$ và 2 được viết là: $\frac{3}{5}$ và $\frac{2}{1}$ $\frac{3}{5}$ và $\frac{2}{1}$ được quy đồng thành: $\frac{2}{1} = \frac{2 \times 5}{1 \times 5} = \frac{10}{5}$; giữ nguyên $\frac{3}{5}$.</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài tập - Quy đồng mẫu số các phân số theo mẫu. Quy đồng mẫu số các phân số: $-\frac{1}{2}; \frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ (MSC là: $2 \times 3 \times 5 = 30$)</p> <p>Ta có: $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3 \times 5}{2 \times 3 \times 5} = \frac{15}{30}$; $\frac{1}{3} = \frac{1 \times 2 \times 5}{3 \times 2 \times 5} = \frac{10}{30}$; $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 2 \times 3}{5 \times 2 \times 3} = \frac{12}{30}$</p> <p>Vậy: Quy đồng mẫu số ba phân số: $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ được $\frac{15}{30}; \frac{10}{30}; \frac{12}{30}$.</p> <p>+ Muốn quy đồng mẫu số ba phân số ta có thể lấy tử số và mẫu số của từng phân số lần lượt nhân với tích các mẫu số của hai phân số kia.</p> <p>a) $\frac{1}{3}; \frac{1}{4}$ và $\frac{4}{5}$ (MSC là: $3 \times 4 \times 5 = 60$)</p> <p>Ta có: $\frac{1}{3} = \frac{1 \times 4 \times 5}{3 \times 4 \times 5} = \frac{20}{60}$ $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 3 \times 5}{4 \times 3 \times 5} = \frac{15}{60}$ $\frac{4}{5} = \frac{4 \times 3 \times 4}{5 \times 3 \times 4} = \frac{48}{60}$</p> <p>Vậy quy đồng $\frac{1}{3}; \frac{1}{4}$ và $\frac{4}{5}$ được $\frac{20}{60}; \frac{15}{60}; \frac{48}{60}$</p> <p>b) $\frac{1}{2}; \frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ (MSC là: $2 \times 3 \times 4 = 24$)</p> <p>Ta có: $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3 \times 4}{2 \times 3 \times 4} = \frac{12}{24}$; $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2 \times 4}{3 \times 2 \times 4} = \frac{16}{24}$ $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2 \times 3}{4 \times 2 \times 3} = \frac{18}{24}$</p>
---	--

		Vậy quy đồng $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ được $\frac{12}{24}$; $\frac{16}{24}$; $\frac{18}{24}$.
4.Củng cố : - Nêu cách quy đồng mẫu số các phân số? - Nhận xét giờ học	3	-HS nêu
5.Dặn dò: -Chuẩn bị bài: Luyện tập chung	1	Học sinh thực hiện

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 42 : CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Nắm được cấu tạo 3 phần của bài văn tả cây cối.
- Nhận biết được trình tự miêu tả bài văn tả cây cối; Biết lập dàn ý miêu tả một cây ăn trái quen thuộc theo một trong hai cách đã học

2.Kĩ năng:

- Biết lập dàn ý miêu tả một cây ăn trái quen thuộc theo một trong hai cách đã học (tả lần lượt từng bộ phận, tả từng thời kỳ phát triển của cây).

3. Thái độ:

- HS thấy được vẻ đẹp của cảnh vật xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : Tranh, ảnh một số cây ăn quả để HS làm BT2.

- Giấy ghi lời giải BT1, 2 (phần Nhận xét).

2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1.Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2.Kiểm tra bài cũ : Gọi hs đọc lại bài văn tả đồ vật (Tiết kiểm tra)đã viết lại . Gv nhận xét	4	1 HS đọc bài Hs nhận xét
3.Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Cấu tạo của bài văn miêu tả cây cối	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài

<p>3.2. Hướng dẫn phần nhận xét <u>Bài tập 1:</u> GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập1 - GV dán bảng tờ phiếu đã ghi kết quả lời giải, chốt lại ý kiến đúng: + Đoạn 1: 3 dòng đầu + Đoạn 2: 4 dòng tiếp + Đoạn 3: còn lại</p> <p><u>Bài tập 2:</u> - GV nêu yêu cầu của bài tập: Xác định đoạn & nội dung từng đoạn trong bài <i>Cây mai tứ quý</i>. - GV dán bảng tờ phiếu đã ghi kết quả lời giải, chốt lại ý kiến đúng: + Đoạn 1: 3 dòng đầu + Đoạn 2: 4 dòng tiếp + Đoạn 3: còn lại</p> <p>- So sánh trình tự miêu tả trong bài <i>Cây mai tứ quý</i> có điểm gì khác bài <i>Bãi ngô</i>. - GV dán lên bảng 2 tờ phiếu ghi kết quả xác định đoạn & nội dung mỗi đoạn trong 2 bài.</p> <p><u>Bài tập 3:</u> - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài. - GV giữ lại 2 bảng kết quả, giúp HS trao đổi, rút ra nhận xét về cấu tạo của 1 bài văn tả cây cối (nội dung trong phần ghi nhớ). Ghi nhớ kiến thức - Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ</p> <p>3.3. Hướng dẫn luyện tập <u>Bài tập 1:</u> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhận xét, kết luận lời giải</p>	<p>30</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc nội dung bài. Cả lớp theo dõi trong SGK. - HS đọc thầm lại bài <i>Bãi ngô</i>, xác định các đoạn & nội dung từng đoạn - HS phát biểu ý kiến: +Đoạn 1: Giới thiệu bao quát về bãi ngô, tả cây ngô từ khi còn lấm tấm như mạ non đến lúc trở thành những cây ngô với lá rộng dài, nõn nà. + Đoạn 2: Tả hoa & búp ngô non giai đoạn đơm hoa, kết trái. + Đoạn 3 : Tả hoa & lá ngô giai đoạn bắp ngô đã mập & chắc, có thể thu hoạch. - HS nhận xét - HS đọc thầm bài <i>Cây mai tứ quý</i>, xác định đoạn & nội dung từng đoạn - HS phát biểu ý kiến: +Đoạn 1: Giới thiệu bao quát về cây mai. + Đoạn 2: Đi sâu tả cánh hoa, trái cây. + Đoạn 3: Nêu cảm nghĩ của người miêu tả. - HS so sánh, nhận ra sự khác nhau về trình tự miêu tả giữa hai bài, rút ra kết luận: - Bài <i>Cây mai tứ quý</i> tả từng bộ phận của cây. - Bài <i>Bãi ngô</i> tả từng thời kì phát triển của cây. - HS đọc yêu cầu của bài- trao đổi, rút ra nhận xét về cấu tạo của một bài văn tả cây cối - Vài HS đọc nội dung cần ghi nhớ. - 1 HS đọc nội dung BT1. Cả lớp đọc thầm, xác định trình tự miêu tả trong bài. - HS phát biểu ý kiến. - Cả lớp nhận xét, sửa bài theo lời giải đúng:Bài văn tả cây gạo già theo từng thời kì phát triển của bông gạo.
---	-----------	--

<p>đúng:</p> <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV dán tranh ảnh một số cây ăn quả. - GV phát bút dạ & giấy riêng cho 2 HS. <p>GV kiểm tra dàn ý của những HS làm bài trên phiếu, đưa lên bảng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS quan sát tranh ảnh, lựa chọn 1 cây ăn quả quen thuộc lập dàn ý theo 1 trong 2 cách đã nêu. - 2 HS làm bài trên giấy khổ lớn. - HS tiếp nối nhau đọc dàn ý của mình. <p>HS cả lớp theo dõi – nhận xét.</p>
<p>4.Củng cố : chọn 1 dàn ý tốt nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giờ học 	3	-HSđọc
<p>5.Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài: Luyện tập quan sát cây cối. 	1	Học sinh thực hiện

ĐỊA LÍ

TIẾT 21: NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Nhớ được tên một số dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ : Kinh, Kho-me, Chăm , Hoa
- Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về nhà ở , trang phục của người dân ở đồng bằng Nam Bộ
- + Người dân ở Tây Nam Bộ thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh , rạch , nhà cửa đơn sơ
- + Trang phục phổ biến của người dân đồng bằng nam bộ trước đây là quần áo bà ba và chiếc khăn rằn
- HS khá giỏi biết được thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên ở đồng bằng Nam Bộ ; vùng nhiều sông , kênh , rạch , nhà ở dọc sông , xuồng ghe là phương tiện đi lại phổ biến

2.Kĩ năng:

- HS trình bày được những đặc điểm tiêu biểu về dân tộc, nhà ở, làng xóm, trang phục lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.
- Xác lập được mối quan hệ giữa thiên nhiên với nơi định cư của con người.
- Biết dựa vào tranh ảnh để tìm ra kiến thức.

3.Thái độ:

Có ý thức tôn trọng thành quả lao động của người dân & truyền thống văn hoá của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV : Tranh ảnh về nhà ở, làng quê, trang phục, lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.

HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	Học sinh hát Chuẩn bị đồ dùng học tập
<p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>Đồng bằng Nam Bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng bằng Nam Bộ do phù sa của sông nào bồi đắp nên? -Nêu đặc điểm về địa hình, đất đai ở đồng bằng Nam Bộ. 	5	2 HS trả lời

GV nhận xét		
<p>3. Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài</p> <p>Người dân ở đồng bằng Nam Bộ</p>	1	HS nghe và ghi tên bài
<p>3.2 Hoạt động 1: Nhà ở của người dân ở ĐBNB</p> <p>- Theo em ở đồng bằng Nam Bộ. có những dân tộc nào sinh sống</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 1, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi</p> <p>- Người dân thường làm nhà ở đâu?</p> <p>- Nhà ở của người dân làm bằng vật liệu gì? nhà có gì khác với nhà ở của người dân đồng bằng Bắc Bộ?</p> <p>- Vì sao người dân thường làm nhà ven sông?</p> <p>* GV nói thêm về nhà ở của người dân ở đồng bằng Nam Bộ: Vì khí hậu nắng nóng quanh năm, ít có gió bão lớn nên người dân ở đây thường làm nhà ở rất đơn sơ. Nhà ở truyền thống của người dân Nam Bộ, cả vách nhà & mái nhà, thường làm bằng lá cây dừa nước. Mặt khác, trước đây đường giao thông trên bộ chưa phát triển, người dân đi lại chủ yếu bằng xuồng, ghe vì thế người dân thường làm nhà ven sông để thuận tiện cho việc đi lại.</p> <p>* GV cho HS xem tranh ảnh về những ngôi nhà mới xây: bằng gạch, xi măng, đồ mái hoặc lợp ngói để thấy sự thay đổi trong việc xây dựng nhà ở của người dân nơi đây.</p> <p>Giải thích vì sao có sự thay đổi này?</p> <p>Hoạt động 2: Trang phục và lễ hội</p> <p>Thi thuyết trình theo nhóm</p> <p>-GV yêu cầu HS thi thuyết trình dựa theo sự gợi ý sau:</p> <p>+ Hãy nói về trang phục của người dân Nam Bộ?</p> <p>+ Lễ hội của người dân nhằm mục đích gì ?</p> <p>+ Trong lễ hội, người dân thường tổ chức những hoạt động gì?</p> <p>+ Kể tên một số lễ hội nổi tiếng của người dân đồng bằng Nam Bộ?</p> <p>- Nhận xét biểu dương các nhóm GV sửa chữa giúp HS hoàn thiện phần trình bày.</p> <p>- GV kể thêm một số lễ hội của người dân đồng bằng Nam Bộ.</p> <p>GV nói thêm: ngày thường trang phục của</p>		<p>- Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa</p> <p>- HS quan sát , các nhóm thảo luận theo gợi ý, đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.</p> <p>- Họ thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch, nhà cửa đơn sơ</p> <p>- Nhà cửa được làm bằng gỗ...</p> <p>- Để tiện cho việc đi lại và sinh hoạt</p> <p>- HS xem tranh ảnh</p> <p>- HS giải thích</p> <p>HS trong nhóm lựa chọn tranh ảnh sưu tầm được, kênh chữ trong SGK để thuyết trình về trang phục & lễ hội của người dân đồng bằng Nam Bộ.</p> <p>+ Trang phục của người dân Nam Bộ là quần áo bà ba và chiếc khăn rằn.</p> <p>+ Họ cầu được mùa và những điều may mắn trong cuộc sống.</p> <p>+ Lễ cúng trăng, lễ tế thần...</p> <p>+ Lễ hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, ...</p> <p>HS lắng nghe một vài hs nhắc lại</p>

<p>các dân tộc ở đồng bằng Nam Bộ gần giống nhau. Trang phục truyền thống của các dân tộc thường chỉ mặc trong các ngày lễ hội. - Rút nội dung bài ghi bản</p> <p>4. Củng cố GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học? GD HS thêm yêu quê hương đất nước Nhận xét giờ học</p> <p>5. Dặn dò - Về nhà học bài Chuẩn bị bài: Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ</p>	<p>2 HS nhắc lại</p> <p>HS nêu phần kết luận</p> <p>HS lắng nghe</p>
--	--

KHOA HỌC
TIẾT 42 : SỰ LAN TRUYỀN ÂM THANH

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức Nêu ví dụ chứng tỏ âm thanh có thể truyền qua chất khí , chất lỏng , chất rắn

2. Kỹ năng:

-Nhận biết được tai ta nghe được những khi rung động từ vật phát ra âm thanh được lan truyền trong môi trường (khí, lỏng hoặc rắn)

- Nêu ví dụ hay làm thí nghiệm chứng tỏ âm thanh yếu đi khi lan truyền ra xa nguồn.

3 . Thái độ:

- HS thích tìm hiểu các hiện tượng thiên nhiên .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : -Hình trang 80, 81 SGK.

2. Học sinh:-Chuẩn bị nhóm: 2 vỏ lon; vài vụn giấy; 2 miếng ni lông; dây thun; một sợi dây mềm (gai, đồng...); trống; đồng hồ; túi ni lông; chậu nước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1.Ổn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2.Kiểm tra bài cũ : Âm thanh - Khi nào vật phát ra âm thanh? GV nhận xét	4	3HS lên bảng trả lời câu hỏi HS cả lớp theo dõi nhận xét
3.Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Sự lan truyền âm thanh	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. HĐ1: Tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh Mục tiêu: HS nhận biết được tai ta	25	

<p><i>nghe được âm thanh khi rung động từ vật phát ra âm thanh được lan truyền tới tai</i></p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>-Tại sao khi gõ trống ta nghe được tiếng trống?</p> <p>-Yêu cầu HS làm thí nghiệm như hình 1 trang 84 SGK. Điều gì xảy ra khi gõ trống?</p> <p>-Tại sao tấm ni lông rung?</p> <p>-Gợi ý: Khi nào trống phát ra âm thanh?</p> <p>-Dùng những hòn bi xếp thành dãy minh họa cho sự lan truyền âm thanh: tác động lên hòn bi đầu sẽ làm cho hòn bi cuối chuyển động (hay VD về nước lan truyền khi rung động)</p> <p>-Đưa ra nhận xét: Mặt trống rung làm cho không khí gần đó rung động. Rung động này được truyền đến không khí liền đó... và lan truyền trong không khí. Khi rung động lan truyền tới miệng ống sẽ làm cho tấm ni lông rung động và làm cho các vụn giấy chuyển động.</p> <p>-Tương tự, em hãy giải thích vì sao tai ta nghe được âm thanh.</p> <p>3.3.HĐ2: Tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh qua chất lỏng, chất rắn</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được ví dụ chứng tỏ âm thanh có thể lan truyền qua chất lỏng, chất rắn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>-GV yêu cầu HS làm thí nghiệm như hình 2 trang 85 SGK.</p> <p>-Như trên, em hãy giải thích tại sao ta nghe được âm thanh của chiếc đồng hồ? Em rút ra được điều gì?</p> <p>-Em hãy nêu ví dụ âm thanh truyền được qua chất rắn và chất lỏng</p> <p>GV nhận xét – kết luận.</p> <p>3.4. Tìm hiểu âm thanh yếu đi hay mạnh hơn khi khoảng cách đến nguồn âm xa hơn</p> <p>Mục tiêu: HS nêu ví dụ hoặc làm thí nghiệm chứng tỏ âm thanh yếu đi khi lan truyền ra xa nguồn âm</p> <p>Cách tiến hành:</p>	<p>Nêu ý kiến.</p> <p>-Làm thí nghiệm như SGK và quan sát: Giơ trống phía trên mặt ống bơ, mặt trống song song với tấm ni lông bọc miệng ống và gần tấm ni lông; tấm ni lông rung.</p> <p>-Mặt trống rung chuyển sự rung động vào không khí và chuyển tới bề mặt tấm ni lông.</p> <p>-Rung động lan truyền trong không khí đến tai ta làm cho màng nhĩ rung và ta cảm nhận được âm thanh.</p> <p>-Làm như hướng dẫn và đặt tai sát thành chậu chõ gần chiếc đồng hồ để nghe.</p> <p>-Giải thích. Âm thanh truyền được qua chất lỏng và chất rắn.</p> <p>-Gõ thước lên mặt bàn, áp tai xuống nghe và bít tai kia lại, ta sẽ nghe được âm thanh.</p> <p>-Áp tai xuống đất nghe tiếng vó ngựa, bước chạy từ xa</p> <p>-Cá heo, cá voi nói chuyện với nhau...</p>
--	---

<p>-Em hãy cho VD cho thấy gần nguồn âm thì nghe rõ hơn và xa nguồn âm thì nghe âm nhỏ dần..</p> <p>-Trong thí nghiệm trên nếu ta đưa trống xa dần mặt ống thì các vụn giấy có còn rung động không? Em có kết luận gì ?</p> <p>Kết luận của GV:</p> <p>- Âm thanh yếu dần đi khi lan truyền ra xa nguồn âm.</p> <p>3.5. HĐ: Trò chơi Nói chuyện qua điện thoại</p> <p>Mục tiêu: Cùng cố, vận dụng tính chất âm thanh có thể truyền qua vật rắn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Cho từng nhóm HS thực hành làm điện thoại ống nổi dây. Phát cho mỗi nhóm 1 mẫu tin nhắn ghi trên tờ giấy GV có thể hỏi thêm: khi dùng điện thoại ống như trên, âm thanh đã truyền qua những vật trong môi trường nào? Từ đó GV giúp HS nhận ra âm thanh có thể truyền qua sợi dây trong trò chơi này</p>		<p>-Đứng gần trống nghe to, xa nghe nhỏ...</p> <p>-Âm thanh càng xa nguồn thì càng nhỏ đi.</p> <p>- Một em phải truyền tin này cho bạn cùng nhóm ở đầu dây bên kia. Em phải nói nhỏ sao cho bạn mình nghe được nhưng người giám sát(do nhóm khác cử) đứng cạnh bạn đó không nghe được. Nhóm nào ghi lại đúng bản tin mà không bị lộ thì đạt yêu cầu</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>+ Vì sao ta nghe được âm thanh?</p> <p>+ Âm thanh truyền được qua những chất nào?</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5.Dặn dò:</p> <p>-Chuẩn bị bài sau: “Âm thanh trong cuộc sống”.</p>	1	Học sinh thực hiện

SINH HOẠT LỚP TUẦN 21

I. MỤC TIÊU

- Học sinh nắm được ưu khuyết điểm trong tuần về các mặt hoạt động : Thực hiện nề nếp của trường , lớp .
- Đề ra biện pháp giúp đỡ học sinh thực hiện chưa tốt nội quy của lớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1, Lớp trưởng nhận xét đánh giá thi đua giữa các tổ về các mặt .

- Nề nếp xếp hàng vào lớp, truy bài
- Lao động , vệ sinh cá nhân
- Học bài và làm bài khi đến lớp .
- Nói lời hay làm việc tốt
- _ Xếp loại thi đua giữa các phân đội :
- Kiểm tra chuyên hệu

2. Ý kiến các thành viên trong tổ

- Nhận xét về hành vi của các bạn

3. Phương hướng nhiệm vụ tuần sau

- Tiếp tục tổ chức thi đua giữa các tổ theo tiêu chí thi đua

- Tích cực bồi dưỡng học sinh có tố chất , kèm cặp giúp đỡ hs tiếp thu chậm
- Thực hiện tốt luật an toàn giao thông : đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy và xe đạp điện
- Thực hiện tốt các phong trào do Liên đội tổ chức
- Tích cực rèn chữ giữ vở ,

4. Ý kiến nhận xét . nhắc nhở của giáo viên chủ nhiệm

- Nhận xét và tuyên dương các tổ, các cá nhân làm tốt công việc trong tuần .
- Nhắc nhở học sinh luyện viết chữ đẹp , ôn tập văn hóa
- Động viên HS tiếp tục luyện giải toán trên mạng thi cấp huyện
- Đăng kí không đốt pháo và tàng trữ chất gây nổ trong dịp Tết nguyên đán

Nhận xét của tổ chuyên môn

TUẦN 22

TOÁN

TIẾT 106 : LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Củng cố khái niệm về phân số.

2. Kỹ năng:

Rèn kỹ năng rút gọn phân số & quy đồng mẫu số các phân số (chủ yếu là hai phân số).

3. Thái độ:

- GD HS tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : SGK- Bảng phụ

2. Học sinh: Sách vở, đồ dùng môn học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức : - Cho học sinh hát	1	Hát
2. Kiểm tra bài cũ : Luyện tập - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm BT 4 - Khi quy đồng mẫu số hai phân số ta có thể làm như thế nào? - Khi quy đồng mẫu số hai phân số, trong đó mẫu số của một trong hai phân số là MSC ta làm thế nào? - GV nhận xét	4	- 2 HS lên bảng sửa bài và trả lời câu hỏi Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{12}$; $\frac{23}{30}$ với MSC là 60 ta được: $\frac{7}{12} = \frac{7 \times 5}{12 \times 5} = \frac{35}{60}$; $\frac{23}{30} = \frac{23 \times 2}{30 \times 2} = \frac{46}{60}$. - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : -GV giới thiệu bài :Trong giờ học này, các em sẽ luyện tập về phân số, rút gọn về phân, quy đồng mẫu số các phân	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài

<p>số— GV ghi bài.</p> <p>3.2 : Hướng dẫn luyện tập Bài tập 1: (Cá nhân)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS tự làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - GV chữa bài.HS có thể rút gọn dần dần qua nhiều bước trung gian. <p>Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn biết phân số nào bằng phân số $\frac{2}{9}$, chúng ta làm thế nào? - Khi rút gọn phân số ta có thể làm thế nào? - GV yêu cầu HS làm bài. -GV nhận xét. <p>Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tự quy đồng mẫu số các phân số,sau đó đối chéo để kiểm tra bài lẫn nhau. <p>-GV nhận xét.</p> <p>Bài tập 4 (nhóm đôi) Gọi HS đọc yêu cầu đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV yêu cầu HS quan sát hình và đọc 	<p>30</p>	<p>HS làm bài tập Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc yêu cầu bài tập. -2 HS lên làm bài,mỗi HS rút gọn 2 phân số ,HS làm bài tập. $\frac{12}{30} = \frac{12:6}{30:6} = \frac{2}{5}; \quad \frac{20}{45} = \frac{20:5}{45:5} = \frac{4}{9}$ $\frac{28}{70} = \frac{28:14}{70:14} = \frac{2}{5}; \quad \frac{34}{51} = \frac{34:17}{51:17} = \frac{2}{3}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chúng ta cần rút gọn các phân số. -Phân số $\frac{5}{18}$ không rút gọn được; $\frac{6}{27} = \frac{6:3}{27:3} = \frac{2}{9}; \quad \frac{14}{63} = \frac{14:7}{63:7} = \frac{2}{9};$ $\frac{10}{36} = \frac{10:2}{36:2} = \frac{5}{18}$ <p>.Vậy $\frac{2}{9} = \frac{6}{27}$</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS nêu kết quả - HS nhận xét <p>Bài tập 3: HS đọc yêu cầu đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài,HS cả lớp làm vào vở. <p>a/ $\frac{4}{3}$ và $\frac{5}{8}$. MSC:24</p> $\frac{4}{3} = \frac{4 \times 8}{3 \times 8} = \frac{32}{24}; \quad \frac{5}{8} = \frac{5 \times 3}{8 \times 3} = \frac{15}{24}$ <p>b/ $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{9}$. MSC: 45</p> $\frac{4}{5} = \frac{4 \times 9}{5 \times 9} = \frac{36}{45}; \quad \frac{5}{9} = \frac{5 \times 5}{9 \times 5} = \frac{25}{45}$ <p>c/ $\frac{4}{9}$ và $\frac{7}{12}$. MSC: 36</p> $\frac{4}{9} = \frac{4 \times 4}{9 \times 4} = \frac{16}{36}; \quad \frac{7}{12} = \frac{7 \times 3}{12 \times 3} = \frac{21}{36}$ <p>d/ $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$ và $\frac{7}{12}$. MSC:12</p> $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 6}{2 \times 6} = \frac{6}{12}; \quad \frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12}, \text{giữ nguyên } \frac{7}{12}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <p>Bài tập 4: HS đọc yêu cầu đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài
---	-----------	--

<p>các phân số chỉ ngôi sao đã tô màu trong từng nhóm.</p> <p>-GV yêu cầu HS giải thích cách đọc phân số của mình. GV nhận xét.</p>		<p>- Lần lượt HS đọc.</p> <p>- $a/ \frac{1}{3}$; $b/ \frac{2}{3}$; $c/ \frac{2}{5}$; $d/ \frac{3}{5}$.</p> <p>- Hình b đã tô màu vào $\frac{2}{3}$ số sao.</p> <p>HS nhận xét.</p>
<p>4.Củng cố : Khi rút gọn phân số ta có thể làm thế nào? -Nhận xét tiết học.</p>	3	-HS trả lời
<p>5.Dặn dò: -Xem trước bài Chuẩn bị bài:So sánh hai phân số cùng mẫu số.</p>	1	-Học sinh thực hiện

TẬP ĐỌC
TIẾT 43: SÀU RIÊNG

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Bước đầu biết đọc nhấn giọng một đoạn trong bài có nhấn giọng từ ngữ gợi tả
- Hiểu ND : Bài văn tả cây sấu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả, và nét độc đáo về dáng cây

2.Kĩ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.
- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng tả nhẹ nhàng, chậm rãi.

3. Thái độ:

- Yêu thích các loại cây trồng

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1.Giáo viên : Tranh minh hoạ. Bảng phụ viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc
2. Học sinh: SGK , vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1.Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng</p>	1	- HS thực hiện
<p>2.Kiểm tra bài cũ : Bè xuôi sông La - GV yêu cầu 2 HS đọc thuộc lòng bài & trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc + Sông La đẹp như thế nào? +Vì sao đi trên bè, tác giả lại nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán chừa và những mái ngói hồng? GV nhận xét</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi - HS cả lớp theo dõi nhận xét
<p>3.Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Từ tuần 22, các em sẽ bắt đầu học chủ điểm mới: <i>Vẻ đẹp muôn màu</i> . Bài đọc mở đầu chủ điểm sẽ giới thiệu với các em về cây sấu riêng – một loại trái cây rất quý được coi là đặc sản của miền Nam. Qua cách miêu tả của</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài

<p>tác giả, các em sẽ thấy sâu riêng không chỉ cho trái cây ngon mà còn đặc sắc về hương hoa, về dáng dấp của thân, lá, cành.</p>		
<p>3.2 : Hướng dẫn luyện đọc <i>GV yêu cầu HS chia đoạn bài tập đọc</i> - GV kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp - GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc -Yêu cầu HS đọc lại toàn bài -GV đọc diễn cảm cả bài Giọng nhẹ nhàng, chậm rãi. Nhấn giọng những từ ngữ ca ngợi về đặc sắc của sâu riêng: <i>hết sức đặc biệt, thơm đậm, rất xa, lâu tan, ngào ngào, thơm mùi thơm, béo cái béo, ngọt, kì lạ, thơm ngát, toả khắp vườn, tím ngắt, lũng lảng, khẳng khiu, cao vút, thẳng đuột, dáng cong, dáng nghiêng, chiều quần, chiều lượn, ngào ngào, đậm mê</i> 3.3: Tìm hiểu bài -GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 - Sâu riêng là đặc sản của vùng nào? -GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài - Dựa vào bài văn, miêu tả những nét đặc sắc của hoa sâu riêng, quả sâu riêng, dáng cây sâu riêng? - GV nhận xét & chốt ý -GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài - Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sâu riêng? - GV nhận xét & chốt ý nêu nội dung chính của bài</p>	<p>10</p> <p>10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: 3 đoạn. Mỗi lần xuống dòng là một đoạn + HS tiếp nối nhau đọc đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc (2 lượt) + HS nhận xét cách đọc của bạn + HS đọc thầm phần chú giải <p>HS luyện đọc theo cặp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1HS đọc lại toàn bài - HS nghe <p>HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sâu riêng là đặc sản của miền Nam ▪ HS đọc thầm toàn bài và trả lời câu hỏi. - Hoa: trổ vào cuối năm; thơm ngát như hương cau, hương bưởi; đậu thành từng chùm, màu trắng ngà; cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti giữa những cánh hoa. - Quả: lũng lảng dưới cành, trông như những tổ kiến; mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí, còn hàng chục mét mới tới nơi để sâu riêng đã ngửi thấy mùi hương ngào ngào; thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt vị mật ong già hạn; vị ngọt đến đậm mê. - Dáng cây: thân khẳng khiu, cao vút; cành ngang thẳng đuột; lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng là héo. <p>-HS đọc thầm đoạn toàn bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu <p>Nội dung chính: Bài văn tả cây sâu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả, và nét độc đáo về dáng cây</p>
<p>3.4 :Đọc diễn cảm - GV mời HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài - GV hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em sau mỗi đoạn</p>	<p>10</p>	<p>HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài - HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù

<p><i>Hướng dẫn kĩ cách đọc 1 đoạn văn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm (<i>Sầu riêng là loại quýt rữ kì lạ</i>) - GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng) - GV sửa lỗi cho các em 		<p>hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp - HS luyện đọc diễn cảm theo cặp\ - Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm trước lớp - HS đọc lại toàn bài
<p>4.Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua bài này, em biết được điều gì? - GV nhận xét tiết học. 	3	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: biết được giá trị của quả sầu riêng & vẻ đặc sắc của hoa, quả, dáng cây sầu riêng
<p>5.Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn, chuẩn bị bài: Chợ Tết. 	1	Học sinh thực hiện

CHÍNH TẢ
TIẾT 22 : (NGHE VIẾT) SẦU RIÊNG

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức

- Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn trong bài tập đọc Sầu riêng
- Làm đúng các bài tập phân biệt những tiếng có âm đầu l/n hoặc vần ut/uc dễ lẫn.

2. Kĩ năng:

- Rèn chữ viết đẹp nghe viết đúng chính tả

3. Thái độ:

- Có ý thức rèn chữ viết đẹp. Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : SGK, bảng phụ viết sẵn các dòng thơ của BT2b và BT3
2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1.Ôn định tổ chức :</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập 	1	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện
<p>2.Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc cho 2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết vào bảng con các từ ngữ đã được luyện viết ở tiết CT trước. GV nhận xét 	4	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con các từ: <i>rộn ràng, dòng dôi, gion già, giới giang, toả rộng.</i> - HS nhận xét
<p>3.Bài mới :</p> <p>3.1 Giới thiệu bài :</p> <p>Hôm nay các em viết bài Sầu riêng</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> -HS lắng nghe nhắc lại bài
<p>3.2: Hướng dẫn HS nghe viết chính tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 1 HS đọc đoạn văn cần viết chính tả 1 lượt - Đoạn văn miêu tả gì? - GV yêu cầu HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết & cho biết những từ ngữ 		<ul style="list-style-type: none"> 1 HS đọc bài +HS cả lớp đọc thầm đoạn văn cần viết + Đoạn văn miêu tả nét đặc sắc của hoa , quả sầu riêng.